TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐĂKLĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2019
V/v: Không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Nguyễn Văn Mạnh; **2.** Bà Hà Thị Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Đuống – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh ĐăkLăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, về việc "*Kiện không công nhận là vợ chồng"*theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1971 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh ĐắkLắk
Bị đơn: Bà Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1972 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh ĐắkLắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Ông và bà Phan Thị Mỹ D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ tháng 7 năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống tại xã E, sau khi tách xã thì ông bà sinh sống tại xã Q, huyện C. Trong thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng lẫn nhau nên cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Do đó, ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà Phan Thị Mỹ D là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 17/3/2001 và cháu Trần Hùng A, sinh ngày 16/01/2003. Hiện cháu H đang học Cao đẳng tại Trường cao đẳng xây dựng thành phố H, còn cháu Hùng A đang học lớp 11 thì ông nhận nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng ông yêu cầu bà D cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Bị đơn bà Phan Thị Mỹ D trình bày:

Về thời gian chung sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng, con chung như ông C bày là đúng bà không bổ sung gì thêm. Từ khi chung sống cho đến nay thì gia đình vẫn hạnh phúc nhưng cách đây mấy tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không còn tin tưởng tưởng lẫn nhau, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông C là vợ chồng.

Về con chung: Bà đồng ý giao cháu Hùng A cho ông C nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho ông C số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 11/9/2019 tại UBND xã Q xác định: Ông Trần Văn C và bà Phan Thị Mỹ D chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà có phát sinh mâu thuẫn, việc ông C yêu cầu không công nhận ông và bà D là vợ chồng thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C: Không công nhận ông Trần Văn C và bà Phan Thị Mỹ D là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hùng A, sinh ngày 16/01/2003 cho ông Trần Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, ghi nhận tự sự thỏa thuận giữa ông C và bà D về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Ông Trần Văn C và bà Phan Thị Mỹ D chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc chung sống như vợ chồng giữa ông C và bà D không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, hôn nhân giữa ông C và bà D không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vì vậy, việc tuyên bố ông Trần Văn C và bà Phan Thị Mỹ D không phải là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 17/3/2001 và cháu Trần Hùng A, sinh ngày 16/01/2003. Hiện cháu H đã trên 18 tuổi và đang học Cao đẳng tại Trường cao đẳng xây dựng thành phố H, còn cháu Hùng A đang học lớp 11 thì ông C có nguyện vọng nuôi dưỡng và bà D đồng ý giao con cho ông C nuôi; cháu Hùng A cũng có nguyện vọng được ở với ông C nên cần chấp nhận yêu cầu của ông C về việc nuôi cháu A đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông C yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, bà D cũng đồng ý cấp dưỡng như ông C yêu cầu, vì vậy cần buộc bà D cấp dưỡng nuôi cháu Hùng A số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Văn C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn bà Phan Thị Mỹ D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

***Vì các lẽ trên*:**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C

1. Tuyên bố ông Trần Văn C và bà Phan Thị Mỹ D không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hùng A, sinh ngày 16/01/2003 cho ông Trần Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Phan Thị Mỹ D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho ông C số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Hùng A đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Phan Thị Mỹ D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

3. Về án phí: Ông Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0014190 ngày 16/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh ĐắkLắk. Bà Phan Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- UBND xã Q
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý